

I H C Q U C G I A H Æ N I
T R N G I H C K I N H T

NGUY N T H C M T H Ú Y

PHÁT TRI N N Ô N G N G H I P T H E O H N G B N V N G
T R Ê N A B À N T H À N H P H H Æ N I

Chuyên ngành: Kinh t chính tr

Mã s : 9310102.01

T Ó M T T L U N Á N T I N S K I N H T C H Í N H T R

H Æ N I – 2020

LUẬN ÁN C HOÀN THÀNH T I:
TR NG I H C KINH T , I H C QU C GIA HÀ N I

Ng i h ng d n khoa h c: 1. PGS.TS : Ph m Th Túy
2. PGS. TS. inh V n Thông

Ph n bi n 1:

Ph n bi n 2:

Lu n án c b o v tr c H i ng ch m lu n án Ti n s h p t i:
Tr ng i h c Kinh t , i H c Qu c Gia Hà N i

Vào h i ... gi, ngày tháng n m 2020

Có th tìm hi u lu n án t i:

- Th viên Qu c gia
- Trung tâm Thông tin – Th vi n, i h c Qu c gia Hà N i

M U

1. Tính cấp thiết của tài nghiên cứu

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, nông nghiệp là ngành sản xuất ra ít rớt nhất. Đây là lĩnh vực có vị trí rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Nông nghiệp - ngành sản xuất vật chất chủ yếu của nền kinh tế, cung cấp nhu cầu sản phẩm thiết yếu cho con người, đảm bảo an ninh lương thực. Nông nghiệp cũng là ngành cung cấp nguyên liệu vào cho công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, là thị trường tiêu thụ sản phẩm của công nghiệp và các ngành kinh tế khác, là lĩnh vực trọng yếu vì cần làm cho người lao động. Canh tác nông nghiệp theo hướng bền vững còn góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái... Có thể nói mức độ phát triển trong nông nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến nền kinh tế - xã hội của mọi quốc gia, nhất là những quốc gia đang phát triển hoặc những quốc gia có lợi thế trong phát triển nông nghiệp và đặc biệt giữ vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực trên phạm vi thế giới. Mặc dù, nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển và hội nhập các quốc gia nói riêng, nhân loại nói chung, song cùng với tiến trình phát triển theo hướng hiện đại, nông nghiệp lại là ngành, lĩnh vực chịu nhiều tác động trên nhiều phương diện (biến đổi khí hậu, ô nhiễm...) và cũng là lĩnh vực ít nhận được sự quan tâm của các chính phủ trong xã hội, trong đó có các chính phủ... Vì vậy, nông nghiệp cần hướng đến phát triển bền vững là một yêu cầu, xu hướng mà mọi quốc gia cần xác lập.

Hà Nội là Thủ đô của Việt Nam - một quốc gia có thể coi là có nhiều lợi thế trong phát triển nông nghiệp, theo đó, nông nghiệp của Hà Nội cũng là lĩnh vực cần được góp phần quan trọng trong quá trình phát triển của Thủ đô. Phát triển nông nghiệp đô thị thành phố Hà Nội đã góp phần cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm tươi ngon cho thành phố. Nông nghiệp thành phố Hà Nội đã tạo việc làm và thu nhập cho bộ phận dân cư sống bằng sản xuất nông nghiệp. Hiện nay nông nghiệp trên địa bàn Hà Nội sản phẩm chủ yếu là rau củ quả, hoa quả, hoa, hạt giống sản xuất, mở ra cơ hội cho phát triển chi sâu theo hướng nông nghiệp công nghệ cao. Nông nghiệp Hà Nội cũng góp phần tạo cảnh quan, giảm ô nhiễm môi trường và cải thiện sức khỏe con người.

Hiện nay, hiện tại Thủ đô Hà Nội cũng là thành phố lớn nhất trong các thành phố (sau thành phố Hồ Chí Minh hành chính năm 2008), với diện tích 3328,9 Km², hiện nay cũng là thành phố đông dân nhất với dân số: 7,5 triệu người, năm 2020 là: 7,8-8 triệu dân. Về lợi thế là sản phẩm của phù sa Sông Hồng, diện tích đất nông nghiệp rất rộng, trong đó có 70% là đất phù sa màu mỡ, có giá trị lớn về nông nghiệp. Bên cạnh đó, Hà Nội có khí hậu mát mẻ và tài nguyên khoáng sản phong phú. Về vai trò là thủ đô của các nước, cần có quy hoạch, có các trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, thể thao, thu hút đầu tư nâng cấp liên tục. Về những thuận lợi nhất, thành phố Hà Nội rất thuận tiện cho phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững (PTNN THBV). Bên cạnh đó, công nghiệp hóa, hiện đại

hóa và c bi t là quá trình ô th hoá nhanh ã góp ph n thúc y phát tri n kinh t - xã h i c a Hà N i, song ng hành v i quá trình ó, Th ô c ng ang t o nên nh ng áp l c v môi tr ng, v h t ng ô th , v phát tri n nông nghi p...T c ô th hoá càng cao thì áp l c i v i các l nh v c v a nêu càng l n và theo ó nông nghi p Hà N i ang ng tr c nh ng thách th c không nh , ó là: di n tích t nông nghi p ngày càng thu h p, c c u, ch t l ng nhân l c cho phát tri n nông nghi p, s quan tâm c a các ch th i v i phát tri n nông nghi p ang suy gi m.

Bên c nh ó, phát tri n nông nghi p Hà N i v n ch u nh h ng b i các y u t t nhiên nh th i ti t, sâu b nh. Kh n ng ti p c n ngu n t ai, thông tin th tr ng, khoa h c k thu t trong nông nghi p v n còn ch m h n so v i các ngành khác. i u này c n ph i có s can thi p c a nhà n c, a ph ng trong h tr phát tri n nông nghi p b n v ng Hà N i. Tuy nhiên vi c th c hi n các h tr này còn nhi u b t c p: ngu n v n u t cho nông nghi p còn h n ch , th t c hành chính h tr còn r m rà ph c t p, k t qu và hi u qu h tr c a Nhà n c i v i t nhân s n xu t nông nghi p còn th p.

V m t lý thuy t, t nh ng n m 80 c a th k XX, quan ni m v “Phát tri n b n v ng” c bi t quan ni m v PTNN THBV ã c nh c n. tài này hi n nay là m t ch thu hút s quan tâm nghiê n c u c a nhi u h c gi . Trong ó, các n c ang phát tri n nh Vi t Nam v n PTNN THBV c n c xem xét l i trong b i c nh hi n nay. Cho n nay đ ng nh ch a có nghiê n c u nào v PTNN THBV trên a bàn Hà N i c ng nh làm rõ vai trò c a nhà n c i v i phát tri n nông nghi p Hà N i t t c các b c th c hi n h tr cung c p lu n c khoa h c và c n c th c ti n cho vi c xu t gi i pháp th c hi n hi u qu h tr c a nhà n c i v i phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn Hà N i. Vì v y, ây ang là v n còn có nhi u ý ki n tranh lu n và ch a có s th ng nh t.

T nh ng lý do trên và h ng n s phát tri n b n v ng Th ô “Xanh, s ch, p” tài *“Phát tri n Nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i”* c ch n làm tài nghiê n c u c a Lu n án ti n s kinh t , chuyên ngành Kinh t chính tr .

2. M c tiêu và nhi m v nghiê n c u

2.1. M c tiêu nghiê n c u

Lu n án làm rõ c s lý lu n, phân tích, ánh giá th c tr ng, ch ra nh ng thành công, h n ch và nguyên nhân c a h n ch v PTNN THBV trên a bàn thành ph Hà N i, trên c s ó xu t ph ng h ng và gi i pháp nh m nh m phát tri n nông nghi p c a Hà N i theo h ng b n v ng giai o n n n m 2030.

t c m c tiêu t ng quát nêu trên, lu n án s tr l i các câu h i nghiê n c u sau ây:

- PTNN THBV bao g m nh ng n i dung nào?
- Nh ng nhân t nào nh h ng n PTNN THBV?
- Kh n ng và i u ki n v n đ ng PTNN THBV vào th ô Hà N i nh th nào?

- Th c tr ng PTNN THBV th ô Hà N i c th c hi n nh th nào?

- Th ô Hà N i c n ph i th c hi n gi i pháp nào PTNN THBV?

2.2. Nhi m v nghiên c u

- Xây d ng khung lý thuy t v PTNN THBV.

- Nghiên c u nh ng bài h c kinh nghi m v PTNN THBV m t s qu c gia trên th gi i và m t s a ph ng trong n c. Qua ó, i ch ng v i th c ti n c a Vi t Nam và Hà N i ánh giá kh n ng c a Hà N i trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.

- Phân tích, ánh giá th c tr ng, ch ra c nh ng thành công và nguyên nhân c a thành công, h n ch và nguyên nhân c a h n ch v PTNN THBV trên a bàn thành ph Hà N i giai o n 2008-2020.

- Trên c s h n ch và ph ng h ng PTNN THBV trên a bàn Hà N i, lu n án xu t ph ng h ng và gi i pháp nh m PTNN THBV trên a bàn thành ph Hà N i giai o n n n m 2030.

3. í t ng và ph m vi nghiên c u

- *í t ng nghiên c u*: lu n án t p trung nghiên c u v phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

- *Ph m vi nghiên c u*:

+ Ph m vi n i dung: Nghiên c u th c tr ng PTNN THBV v kinh t , xã h i và môi tr ng trên a bàn thành ph Hà N i.

+ Ph m vi không gian: PTNN THBV các vùng ven ô th c a thành ph Hà N i. Lu n án t p trung kh o sát th c tr ng PTNN THBV 17 huy n ngo i thành Hà N i, trong ó nghiên c u m t s huy n ngoài thành i di n cho 3 tí u vùng sinh thái (vùng gò i, vùng ng b ng và vùng t ai ven sông) và u ch u s nh h ng c a quá trình ô th hóa.

+ Ph m vi th i gian: Nghiên c u c a tài c gi i h n trong ph m vi th i gian là t n m 2011 n 2020. Giai o n này là giai o n g n v i ti n trình y m nh ô th hóa trên m t không gian m r ng và c ng là th i gian c n c n l c th c hi n Ngh quy t 26 NQ/T c a BCH Trung ng ng l n th 7 (khóa X) v “nông nghi p, nông dân, nông thôn”. M c ích chính c a Ngh quy t 26 này là xây d ng m t n n nông nghi p phát tri n b n v ng, hi u qu , có s c nh tranh, và phù h p v i th tr ng. Và xu t gi i pháp ch y u cho giai o n n n m 2030.

4. óng góp m i c a lu n án

- V lý lu n

Lu n án góp ph n làm rõ thêm khung lý thuy t v PTNN THBV th ô Hà N i, bao g n lu n gi i rõ khái ni m, tìm hi u kinh nghi m m t s n c trên th gi i và m t s a ph ng trong n c v PTNN THBV rút ra bài h c kinh nghi m cho th ô Hà N i. Lu n án làm rõ nh ng n i dung c a PTNN THBV. Lu n án ã xác nh các tiêu chí ánh giá PTNN THBV. c bi t lu n án làm rõ vai trò c a nhà n c trong PTNN THBV.

- V th c ti n

Phân tích, ánh giá th c tr ng PTNN THBV trên à bàn th ô Hà N i giai o n 2011 - 2020, trên c s ó ch ra nh ng h n ch , nguyên nhân h n ch trong PTNN THBV trên à b n Hà N i. Lu n án ã xu t các ph ng h ng và gi i pháp phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên à bàn thành ph Hà N i giai o n n n m 2030.

K t qu nghiên c u s là ngu n t li u h u ích i v i các nhà ho ch nh chính sách qu n lý v mô nói chung, giúp ích cho quá trình ho ch nh và th c thi chính sách nh m PTNN THBV trên à bàn Hà N i nói riêng trong th i gian t i.

5. K t c u c a lu n án

th c hi n m c tiêu và các nhi m v c a tài lu n án, ngoài ph n m u, k t lu n và tài li u tham kh o, k t c u lu n án g m 4 ch ng:

Ch ng 1: T ng quan tình hình nghiên c u có liên quan và ph ng pháp nghiên c u tài lu n án

Ch ng 2: Phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Th ô

Ch ng 3: Th c tr ng phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên à bàn thành ph Hà N i giai o n 2011 - 2020

Ch ng 4: Ph ng h ng và gi i pháp phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên à bàn thành ph Hà N i giai o n n n m 2030

Ch ng 1

T NG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN C U CÓ LIÊN QUAN VÀ C S PH NG PHÁP LU N

1.1.T ng quan tình hình nghiên c u có liên quan n tài lu n án

Th c t l ch s ã ch ng minh rõ r ng, phát tri n nông nghi p là i u thi t y u cho s s ng còn và t ng tr ng c a các n n v n minh, song v i s gia t ng dân s th gi i t ng t 800 tri u ng i vào th i i m b t u cu c cách m ng công nghi p trong n m 1790 lên n trên 7 t ng i ngày hôm nay và tri n v ng dân s đ ki n s t ng lên 9,3 t vào n m 2050 ã làm đ y lên m i lo ng i m i v kh n ng nuôi đ ng th gi i b n v ng. Hi n th c này t ra m i quan ng i r ng: n u nh th gi i cung c p trên 9 t ng i vào n m 2050 s òi h i l ng th c toàn c u t ng ít nh t 60% n 70%", theo ó, s n xu t nông nghi p s c n ph i không ng ng t ng áp ng nhu c u ngày càng cao. Do ó, phát tri n b n v ng nông nghi p là xu th chung mà toàn nhân lo i ang n l c h ng t i, trong ó có Vi t Nam.

1.1.1. Nh ng công trình nghiên c u ngoài n c có liên quan n tài lu n án

1.1.1.1. Nh ng công trình nghiên c u v vai trò c a nhà n c i v i phát tri n nông nghi p

Vì nông nghi p là v n tr ng y u i v i nhân lo i và c ng là l nh v c có l ch s phát tri n lâu dài, nên phát tri n nông nghi p b n v ng là m i quan tâm c a nhi u qu c gia, lãnh th trên th gi i. Chính vì v y, có khá nhi u công trình nghiên c u v i quy mô s , và c nh ng nghiên c u th c nghi m ã thu c k t qu ang ghi nh n nh :

1.1.1.2. Nghiên cứu công trình nghiên cứu và PTNN, PTNN THBV

Mặt khác, công trình nghiên cứu như sau: khó khăn còn tồn tại như là nông nghiệp phụ trợ, nông nghiệp ra nông nghiệp pháp phát triển nông nghiệp theo hình thức mới.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra, cần quan tâm các yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp đến phát triển nông nghiệp như: các nguồn lực phát triển, chính sách của nhà nước...

1.1.2. Nghiên cứu công trình nghiên cứu các tác động liên quan đến luật án

Bên cạnh những nghiên cứu có liên quan đến phát triển nông nghiệp mới, thì các tác động trong nước có khá nhiều công trình nghiên cứu về nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp mới... Cần, có thể kể một số nghiên cứu tiêu biểu trên các phương diện sau:

1.1.2.1 Mối quan hệ nghiên cứu và vai trò của nhà nước ở Việt Nam

“Án tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” của Chính phủ đã đưa ra một số mục tiêu, quan trọng, như: nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất, các giải pháp chính sách như: việc tổ chức thị trường. Một trong những quan trọng của án là tăng cường sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội trong ngành, nhất là phát triển các công ty (PPP) và các doanh nghiệp, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế. Nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư vào quy trình sản xuất, công nghệ và thị trường nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hiệu quả.

1.1.2.2. Nghiên cứu và PTNN, PTNN THBV

Các nghiên cứu về nông nghiệp nói chung đã công bố, trong đó tiêu biểu có thể kể đến các công trình sau:

1.1.2.3. Nghiên cứu và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp theo hình thức mới

Có nhiều quan điểm khác nhau, trong quá trình phát triển của mình đã tạo ra không ít kết quả tích cực trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong số đó có những quan điểm có ý nghĩa như: Việt Nam như là một quốc gia không thể thiên nhiên. Nghiên cứu về kinh nghiệm của các nước khác là cách Việt Nam có thể phù hợp trong quá trình phát triển.

1.1.2.4. Nghiên cứu và nông nghiệp thành phố Hà Nội và một số địa phương

Liên quan đến nông nghiệp, phát triển nông nghiệp và phát triển nông nghiệp theo hình thức mới, có khá nhiều công trình nghiên cứu như sau:

Ngoài ra còn một số công trình nghiên cứu, luận án, các tác phẩm báo chí liên quan ít nhiều đến những nghiên cứu như sau: do điều kiện không thể liệt kê hết.

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước có thể rút ra những nhận xét sau:

V c s lý lu n:

V c s th c ti n:

1.1.3. M t s nh n xét, ánh giá chung v nh ng công trình nghiên c u liên quan n tài lu n án và nh ng v n c n ti p t c nghiên c u v phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

1.1.3.1. M t s nh n xét, ánh giá v nh ng công trình nghiên c u liên quan n lu n án

**V m t lý lu n*

**V th c ti n:*

1.1.3.2. Nh ng v n c n ti p t c nghiên c u v phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng và v n t ra i v i phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i

M c dù có nhi u công trình nghiên c u v PTNN THBV v khái ni m, c i m, vai trò và các nhân t nh h ng n,.. nh ng ch a có công trình nào c p h th ng v lý lu n và th c ti n v PTNN THBV Th ô Hà N i. Vì v y, lu n án làm rõ nh ng v n sau:

** V m t lý lu n:*

** V m t th c ti n:*

1.2. C s ph ng pháp lu n

1.2.1. C s lý lu n chung và cách ti p c n nghiên c u

Lu n án d a trên c s lý lu n c a ch ngh a Mác - Lênin, t t ng H Chí Minh; quan i m, ng l i c a ng C ng s n và chính sách, pháp lu t c a Nhà n c Vi t Nam v phát tri n kinh t nói chung, phát tri n nông nghi p nói riêng; ch tr ng phát tri n kinh t - xã h i, phát tri n nông nghi p c a thành ph Hà N i theo h ng b n v ng; ti p thu có ch n l c các k t qu nghiên c u ã công b v phát tri n nông nghi p b n v ng c a các nhà khoa h c trong n c và qu c t .

1.2.2. Các ph ng pháp nghiên c u c th

1.2.2.1. Ph ng pháp tr u t ng hóa khoa h c

Ph ng pháp này c s d ng trong ch ng 1, ch ng 3, ch ng 4 tìm ra c tính quy lu t c a v n nghiên c u, t ó ch ra b n ch t v n và kh ng nh phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i hi n nay là t t y u và c n thi t.

1.2.2.2. Ph ng pháp logic k t h p ch t ch v i ph ng pháp l ch s .

Kinh t chính tr h c không trình bày n thu n tí n trình l ch s , mô t n thu n các s ki n, mà c n c vào tí n trình phát tri n c a l ch s các quan h s n xu t, dùng ph ng pháp t duy và lý lu n logic v ch ra nh ng quy lu t kinh t chi ph i s v n ng c a m i ph ng th c s n xu t.

1.2.2.3. Ph ng pháp thu th p và phân tích s li u

- phân tích c PTNN THBV ph i có s li u và thông tin t các n i dung trên. V y s li u s c thu th p t :

- Các cơ quan ban hành thực thi hành chính, thực thi hành chính.
- Các đối tượng tham gia vào PTNN THBV: nông dân, doanh nghiệp sản xuất NN, HTX.
- Chủ nhiệm của ban nghiên cứu: đánh giá thực trạng PTNN THBV Thành phố Hà Nội, tác giả tiến hành lựa chọn đối tượng khảo sát.

Đối tượng khảo sát là các chuyên gia thuộc các cơ quan quản lý chuyên ngành của Sở, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội. Đây là những người đi đầu cho quản lý nhà nước về PTNN THBV. Ngoài ra, tác giả lựa chọn một số nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã trong sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Tác giả xác định 39 cán bộ là lãnh đạo quản lý về PTNN trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Với mục đích khảo sát này, tác giả tiến hành phỏng vấn chuyên sâu, đồng thời đi sâu tra vấn bằng hình thức (Phụ lục 1)

- Thang đánh giá

Cách quy định điểm số cho bằng cấp: Mỗi điểm có các lựa chọn và quy định bằng các mức điểm khác nhau:

Chuẩn cho điểm:

1 điểm	2 điểm	3 điểm	4 điểm	5 điểm
Hoàn toàn không hạng	Không hạng	Không xác nh	nh hạng	nh hạng rất mạnh

Cách đánh giá:

Ý nghĩa số đo \bar{X} :

1.2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu

- Kiểm định số liệu: sau khi số liệu thu thập về kiểm tra, “làm sạch” số liệu, loại bỏ những thông tin không phù hợp.

- Phân loại số liệu theo phương pháp phân tầng: với những mục tiêu đi sâu tra vấn và chi tiêu phân tích khác nhau, các số liệu sau khi thu thập được phân tầng theo các nội dung nghiên cứu thành các số liệu xử lý bằng phần mềm SPSS 25.

1.2.2.5. Một số phương pháp khác

Phương pháp phân tích thành phần

Phương pháp so sánh

Phương pháp chuyên gia

Phương pháp phân tích chính sách kinh tế - xã hội.

Tiêu kết luận 1

Tác giả đã tiến hành các công trình liên quan nêu trên, bao gồm: những nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu về vai trò của nhà nước trong phát triển nông nghiệp; về PTNN THBV. Những kết quả nghiên cứu của các công trình là nguồn tài liệu tham khảo trong quá trình triển khai những nghiên cứu tiếp theo về PTNN THBV thành phố Hà Nội những công trình tiếp theo.

ch này, tác gi c ng phân tích nh ng ph ng pháp nghiên c u c a lu n án. Ph ng pháp lu n nghiên c u bao trùm là ph ng pháp duy v t bi n ch ng và duy v t l ch s . ng th i, ti p c n d i góc là m t khoa h c kinh t chính tr . Bên c nh ó, ph ng pháp tr u t ng hoá khoa h c cùng các ph ng pháp nghiên c u c a khoa h c kinh t nh ph ng pháp phân tích, t ng h p, ph ng pháp th ng kê, so sánh... c s d ng trong lu n án.

Ch ng 2

PHÁT TRI N NÔNG NGHIỆP THEO H NG B N V NG TH Ô

2.1. C s lý lu n v phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

2.1.1. M t s khái ni m liên quan

2.1.1.1. Khái ni m nông nghi p

Nông nghi p là m t l nh v c có l ch s phát tri n lâu dài và quan tr ng g n li n v i s phát tri n c a loài ng i, m c dù v y, nh ng th c t cho n hi n nay v n còn t n t i các quan ni m khác nhau v nông nghi p.

2.1.1.2. Khái ni m v phát tri n b n v ng

T t ng h p m t s khái ni m v phát tri n b n v ng ph bi n nêu trên, có th hi u v phát tri n b n v ng nh sau: *Phát tri n b n v ng là s gia t ng m i m t c a n n kinh t , xã h i, trong ó các y u t phát tri n hài hòa, t o ra s y , th a mãn các nhu c u c a con ng i mà không làm ph ng h i t i các y u t tài nguyên và môi tr ng sinh thái c trong hi n t i và t ng lai.*

T ti p c n khái ni m nêu trên có th th y phát tri n b n v ng g m ba n i dung c b n ó là:

- *Phát tri n b n v ng v kinh t*
- *Phát tri n b n v ng v xã h i:*
- *Phát tri n b n v ng v môi tr ng*

2.1.1.3. Khái ni m phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Phát tri n b n v ng ã và ang là xu th chung c a nhân lo i. Phát tri n b n v ng c quan tâm m i khía c nh kinh t , xã h i và môi tr ng..., vì v y, phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng c ng không n m ngoài quy lu t y. Ngoài ra, nông nghi p b n v ng còn là v n th i s c nhi u nhà khoa h c thu c nhi u l nh v c khác nhau quan tâm, nh : Nông h c, sinh thái h c, xã h i h c... theo ó mà t n t i nhi u quan ni m khác nhau v phát tri n b n v ng nông nghi p. Trong s ó, áng chú ý nh t là m t s quan ni m sau ây:

**Theo ngh a r ng:*

**Theo ngh a h p*

2.1.2. N i dung phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng có ngh a là: n n nông nghi p c n c

phát triển một cách hài hòa, bền vững trên các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường. Theo đó, về nguyên lý chung, phát triển nông nghiệp phải theo hướng bền vững bao gồm các nội dung cơ bản sau: Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với mô hình nông nghiệp tự nhiên thân thiện và hữu dụng; phải mô hình quy trình các vấn đề xã hội trong phát triển nông nghiệp, nông thôn phải mô hình quy trình các vấn đề môi trường sinh thái; mô hình phát triển dịch vụ và tổng hợp phát triển nông nghiệp.

2.1.2.1. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với mô hình nông nghiệp tự nhiên thân thiện và hữu dụng

Tổng hợp kinh tế nói chung, là sự gia tăng sản phẩm quốc nội hoặc tăng sản lượng quốc gia hoặc quy mô sản lượng quốc gia tính bình quân trên đầu người trong một thời gian nhất định. Trong đó, nông nghiệp cũng là một trong những lĩnh vực kinh tế cơ bản có đóng góp đáng kể cho tổng hợp kinh tế của quốc gia, nhất là những quốc gia nông nghiệp. Để tiến hành phát triển, cần nhận thức kỹ lưỡng những thách thức, tái sản xuất nông nghiệp là ngành cơ bản của tổng hợp kinh tế (David Ricardo (1772-1823) hay mô hình hai khu vực tổng hợp kinh tế - tách ra riêng sản phẩm tổng hợp đưa vào hai khu vực nông nghiệp và công nghiệp... Điều đó cho thấy, nông nghiệp là ngành sản xuất quan trọng đóng góp vào tổng hợp kinh tế, vì vậy nên phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của nền phải mô hình nông nghiệp tự nhiên thân thiện và hữu dụng.

2.1.2.2. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với mô hình quy trình các vấn đề xã hội trong phát triển nông nghiệp, nông thôn

Vấn đề xã hội là tất cả những gì liên quan đến con người, các nhóm người, các cộng đồng người nhất định, phát triển của con người trong một hoàn cảnh xã hội nhất định và lợi ích của một cộng đồng. Trong một tiêu chí phát triển kinh tế nói chung, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững nói riêng phải bao gồm các tiêu chí quy trình những vấn đề xã hội, trong đó những vấn đề xã hội cần quan tâm đó là: Việc làm, thu nhập, xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế cho người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp... Điều đó có nghĩa là: i/ Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phải gắn với việc làm, nhất là nâng cao dân số nông nghiệp do tác động đô thị hóa, mô hình sinh kế có các nghề nông thu nhập chính đáng áp dụng ngày một cao để nâng cao chất lượng và tinh thần cho người lao động nông nghiệp thì hiện nay các dịch vụ y tế, giáo dục cũng phải mô hình; ii/ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với xã hội còn gắn với xây dựng nông thôn mới và cải thiện môi trường sống, văn minh tinh thần cho người lao động nông nghiệp.

2.1.2.3. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gắn với mô hình quy trình các vấn đề môi trường sinh thái

Môi trường sinh thái là tất cả các yếu tố tự nhiên bao quanh con người, những hoạt động của con người và tác động của họ tới môi trường sống của con người. Môi trường là nơi cung cấp các nhu cầu và tài nguyên, là nơi chứa đựng, phân hủy các chất thải trong quá trình sản xuất.

Tuy nhiên, ch c n ng c a môi tr ng sinh thái là có gi i h n. N u con ng i v t quá gi i h n này thì s gây ra m t cân b ng sinh thái và ô nhi m môi tr ng.

2.1.3. Ch tiêu ánh giá phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Ngày nay, phát tri n nông nghi p b n v ng là m i quan tâm mang tính toàn c u. Trong quá trình phát tri n kinh t , m i qu c gia, khu v c u xu t hi n nhi u v n b c xúc mang tính ph bi n. nông nghi p phát tri n theo h ng b n v ng c n v n hành ng th i ba ph ng di n phát tri n: T ng tr ng b n v ng v m t kinh t ; xã h i công b ng, n nh, th nh v ng, v n hoá a d ng và môi tr ng c trong s ch, an toàn, tài nguyên c duy trì b n v ng.

2.1.3.1. Nhóm ch tiêu ánh giá nh tính

D a trên n i hàm các khái ni m và n i dung nghiê n c u, tài a ra các tiêu chí nh tính sau:

Th nh t, tiêu chí ánh giá vai trò c a nhà n c trong qui ho ch, xây d ng chi n l c PTNN THBV

Th hai, tiêu chí ánh giá vai trò c a nhà n c trong th c thi chính sách PTNN THBV

2.1.3.2. Nhóm ch tiêu ánh giá nh l ng

V ch tiêu kinh t :

Ch tiêu v môi tr ng sinh thái:

2.1.4. Các nhân t tác ng n phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Nông nghi p là ngành ch u nh h ng b i nhi u nhân t trong ó có th th y có các nhóm nhân t ch y u ó là: nhóm các nhân t t nhiên; nhóm các nhân t kinh t , k thu t, xã h i và nhóm nhân t c ch , chính sách c a Nhà n c. M i nhóm nhân t l i có m c tác ng khác nhau.

2.1.4.1. Nhóm các nhân t t nhiên tác ng n phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Nh v y, nhóm các nhân t t nhiên có nh h ng tr c ti p n phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng, vì c phân b v trí s n xu t nông nghi p nh nào cho phù h p v i i u ki n t nhiên c a qu c gia hay khu v c s thu c k t qu t t, ng c l i, qu c gia nào không có i u ki n t nhiên thu n l i ho c không b trí s n xu t nông nghi p phù h p v i i u ki n t nhiên s g p khó kh n ho c th t b i, không th phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.

2.1.4.2. Nhóm các nhân t kinh t - k thu t - xã h i tác ng n phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Bên c nh các nhân t t nhiên thì nhóm các nhân t kinh t , k thu t, xã h i c ng có tác ng không nh n phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng. Nhóm các nhân t kinh t - k thu t - xã h i c k n nh : c s v t ch t k thu t; ti n b khoa h c - k thu t; th tr ng nông ph m, giá c ; y u t dân c , dân s ; ngu n lao ng và trình lao ng trong s n xu t nông nghi p; phong t c t p quán; nh n th c c a ng i dân...nhóm các

nhân t này, tùy t ng nhân t c ng có tác ng tr c ti p hay gián ti p n phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.

2.1.4.3 Nhóm c ch , chính sách c a Nhà n c, a ph ng i v i phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

ng s a ra ng l i, chi n l c trong phát tri n kinh t trong ó có phát tri n nông nghi p. Nhà n c s qu n lý theo ng l i a ra c a ng. Vì v y, nhóm c ch chính sách có vai trò quan tr ng i v i phát tri n nông nghi p và các ngành khác c a các qu c gia. Ngày nay s bi n i v kinh t , xã h i ã tác ng n s n xu t c a nông nghi p. Chính sách và ch ch ng c a Nhà N c h p lý s y nhanh t c phát tri n các ngành kinh t , khai thác hi u qu nh ng ti m n ng và l i th c a t ng vùng, t ng a ph ng. Vì v y, chính quy n a ph ng c n ph i a ra nh ng chính sách h p lý, úng th i i m nh h ng phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.

2.2. Kinh nghi m phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

2.2.1. Kinh nghi m phát tri n nông nghi p m t s n c trên th gi i

2.2.1.1. Kinh nghi m phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng t i Israel

Sau ây là m t s kinh nghi m áng quan tâm c a Israel trong vi c qu n lý s n xu t nông nghi p b n v ng trên c s ngu n tài nguyên khan hi m và h n h p.

- *Kinh nghi m v kh c ph c nh ng y u t b t l i c a t nhiên phát tri n nông nghi p b n v ng.*

- *Kinh nghi m v cách th c t ch c s n xu t nông nghi p b n v ng.*

- *S h tr chính ph cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.*

- *Kinh nghi m qu n lý nhà n c v nông nghi p*

- *Kinh nghi m v nâng cao ý th c tiêu dùng c a ng i dân h ng t i n n nông nghi p b n v ng*

Nh v y, n n nông nghi p b n v ng c a Israel ã gi i quy t t trên c ba m t: kinh t (t o ra nhi u c a c i cho xã h i), xã h i (gi i quy t vi c làm, nâng cao ch t l ng s ng lao ng trong nông nghi p), và môi tr ng (môi tr ng s ng, môi tr ng s n xu t trong s ch).

2.2.1.2. Kinh nghi m phát tri n nông nghi p b n v ng t i Nh t B n

Nh t B n là m t qu c o, c t o thành t h n 3.000 hòn o l n nh , a hình ch y u là i núi th p, có nhi u núi l a và có các ng b ng nh h p ven bi n, b bi n dài và khúc khu u. Sông ngòi: Nh , ng n và d c, có nhi u su i n c nóng.

2.2.2. Kinh nghi m phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng c a m t s t nh, thành ph trong n c

2.2.2.1. Kinh nghi m c a Thành ph H Chí Minh

Nh ng n m qua, nông nghi p TP HCM ã có nh ng B c phát tri n v t b c theo h ng b n v ng. Sau ây là nh ng kinh nghi m thu c.

- *Kinh nghi m v s d ng các y u t tài nguyên thiên nhiên phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.*

- Kinh nghiệm về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp.
- Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào nông nghiệp nông thôn
- Kinh nghiệm về chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của thành phố Hồ Chí Minh:

- Khai thác tiềm năng của địa phương

2.2.2.2. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh Lâm Đồng

- Kinh nghiệm về sự đồng ý của các yếu tố tự nhiên phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

- Kinh nghiệm về phát huy lợi thế trong phát triển nông nghiệp.
- Kinh nghiệm xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp bền vững
- Nông nghiệp hiện đại phát triển bền vững
- Mối liên hệ giữa và ảnh hưởng của nông nghiệp tới tỉnh Lâm Đồng.

2.2.3. Bài học phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững cho thành phố Hà Nội

T nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và trong nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, dù thành công hay chưa thành công thì cũng giúp chúng ta rút ra những bài học quý báu các địa phương tham khảo và cũng thi thố với Hà Nội trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, những bài học kinh nghiệm đó có thể khái quát gồm: Cần có cơ chế chính sách tạo điều kiện nông nghiệp phát triển bền vững; Phát triển nông nghiệp bền vững, phải gắn với phát triển khoa học công nghệ; Bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên, môi trường, an sinh xã hội, thông qua việc thúc đẩy những thành

2.2.3.1. Cần có cơ chế chính sách tạo điều kiện nông nghiệp phát triển bền vững

Nhà nước có vai trò là người điều tiết thị trường kinh tế, do vậy, nông nghiệp với tư cách là một lĩnh vực sản xuất kinh tế, cần có những chính sách, định hướng và phát triển bền vững, mục tiêu các cơ quan chức năng của nhà nước cần xây dựng và ban hành những chính sách phát triển nông nghiệp bền vững, cụ thể:

2.2.3.2. Phát triển nông nghiệp bền vững, phải gắn với phát triển khoa học công nghệ

Nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam thời gian qua có bước tiến bộ nhất định nhờ vào di sản tích, qui mô, sản lượng, giá trị, những vấn đề bản thì của nông nghiệp của thành phố chuyển đổi còn chậm, sản phẩm nông nghiệp còn thiếu sức cạnh tranh.

Do vậy, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thành phố cần mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, giá trị cao, cần phải chú trọng đầu tư nghiên cứu và khuyến khích chuyển giao sản phẩm các kết quả KH-CN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học như:

2.2.3.3. Bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên, môi trường, an sinh xã hội, thông qua việc thúc đẩy những thành

Cụ thể:

Trách nhiệm của người nông dân cần nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm,

v thực của mình. Nâng cao trình độ canh tác bằng việc tiếp cận, học hỏi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và nông nghiệp hiện đại, bảo vệ môi trường.

Mời gọi dân phố tích cực tham gia và ủng hộ các chính sách đúng đắn trong phát triển nông nghiệp bền vững của Thành phố.

Mời gọi dân phố xây dựng các chốt thú trong chăn nuôi và các thí nghiệm trong nuôi trồng thủy sản chất lượng và năng suất cao, chú trọng môi trường, năng suất và sức khỏe con người trong sản xuất.

Ti u k t ch 2

Trong chương này, luận án phân tích những khái niệm về nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Trên cơ sở phân tích và kết quả nghiên cứu hàm trong các khái niệm cơ bản rút ra khái niệm về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững theo quan niệm của luận án. Luận án cũng đề ra các tiêu chí đánh giá phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững gồm: nhóm tiêu chí bền vững trên phương diện kinh tế; nhóm tiêu chí bền vững trên phương diện xã hội; nhóm tiêu chí bền vững trên phương diện môi trường. Như vậy, luận án cũng luận giải ba nội dung trong phát triển nông nghiệp bền vững: Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phải đảm bảo tốt nghiệp kinh tế bền vững và hiệu quả; phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phải đảm bảo giải quyết các vấn đề xã hội trong phát triển nông nghiệp; phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững phải đảm bảo giải quyết các vấn đề môi trường sinh thái. Và chia ra ba nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bền vững là: nhóm yếu tố tự nhiên; nhóm các nhân tố kinh tế, xã hội, kỹ thuật và nhóm nhân tố văn hóa, chính sách liên quan đến phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Bên cạnh đó, Luận án cũng nghiên cứu kinh nghiệm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của một số quốc gia (Israel, Nhật Bản) và thành phố (Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng). Qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Hà Nội nói riêng và các thành phố nói chung về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Ch 3

TH C TR NG PHÁT TRI N NÔNG NGH I P THEO H NG B N V NG TRÊN A BÀN THÀNH PH HÀ N I

3.1. i u ki n t nhiên, kinh t - xã h i c a thành ph Hà N i nh h ng t i phát tri n nông ngh i p theo h ng b n v ng

3.1.1. i u ki n t nhiên c a thành ph Hà N i

Hà Nội, nằm trung tâm vùng sông Hồng, trong giới hạn 20°25' - 21°33' vĩ Bắc và 105°17' - 106°03' kinh Đông, giáp các tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Hà Nam, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Bắc Ninh. Diện tích hiện nay là 3.349,2 km². Là khu vực

chuyên nghiệp giữa vùng gò lồi trung du và vùng nông bằng nên đã hình thành xu hướng tập trung sản xuất lúa nước và trồng cây công nghiệp chủ yếu là cao su, chiếm khoảng 3/4 diện tích tự nhiên, cao trung bình 5-10m so với mặt nước biển. Vùng đồi chiếm 1/4 diện tích tự nhiên, tập trung phía bắc và phía tây [28]. Đến nay hành chính tính đến năm 2020 có 12 quận, 17 huyện, 01 thị xã.

Bảng 3.1: Hiện trạng sử dụng đất TP Hà Nội

Đơn vị tính: ha

Tổng diện tích đất	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất trống
335,9	154,3	22,2	64,1	40,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính theo thời điểm 31/12/2019. Theo quy định số 2908/QĐ-BTNMT ngày 13/11/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

Hà Nội thu hút nông nghiệp trù phú, nơi đây đã sớm trở thành trung tâm chính trị và tôn giáo ngay từ những buổi đầu của lịch sử Việt Nam. Cùng với thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội là một trong hai trung tâm kinh tế các nước, và vị trí thu hút.

Hà Nội có vị trí địa lý - chính trị quan trọng, là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm bắc bộ, là cửa ngõ giao thông với các tỉnh, thành phố trong nước và thế giới. Hiện nay, Hà Nội là thành phố có vị trí thứ hai về tổng GDP. Trong đó, quá trình CNH - HĐH tạo nên sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tỷ trọng ngành nông nghiệp thấp hơn các ngành phi nông nghiệp. Cơ cấu năm 2008 là 6,54%, năm 2016 là 4,8%. [85]

Bảng 3.2: Diện tích, dân số trung bình, mật độ dân số thành phố Hà Nội

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Diện tích (Km ²)	3.328,9	3.323,6	3.324,3	3.324,5	3.324,5	3.358,9	3.358,9	3358,8	3.358,6
Dân số trung bình (Nghìn người)	6.761,3	6.865,2	6.977,0	7.095,9	7.216,0	7.328,4	7.654,8	7520,7	8.093,9
Mật độ dân số (Người/Km ²)	2.031,1	2.065,6	2.098,8	2.134,0	2.171,0	2.182,0	2.279,0	2239,0	2.410,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

3.1.3. Đánh giá hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội của Hà Nội nhằm hướng tới phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững

Vị trí địa lý thiên nhiên ban đầu là do sự hình thành do sự bồi đắp tích tụ phù sa sông Hồng, vì vậy, Thủ đô Hà Nội là các nhà nông nghiệp coi là vùng đất lý tưởng để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, dưới tác động của các yếu tố hình thành đất và quá trình sản xuất của con người đã tạo nên sự phân hoá về tính chất vật lý, hoá học, kéo theo sự phân hoá về sinh vật.

3.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2008 - 2019

3.2.1. Th c tr ng PTNN THBV g n v i m b o nông nghi p t ng tr ng n nh và hi u qu

m b o t ng tr ng kinh t trong PTNN THBV là t ng tr ng m t cách n nh, hi u qu n n kinh t , mu n v y c n các i u ki n áp ng v n hành b n v ng. Do v y, c n xem xét tính b n v ng c a các nhân t tác ng quan h n t ng tr ng, c th nh : công tác quy ho ch, chuy n d ch c c u kinh t , k t c u h t ng c s , s d ng các ngu n l c, v n d ng chính sách.

3.2.1.1. Th c tr ng quy ho ch t ng th c a th ô Hà N i trong PTNN THBV

*Công tác ban hành quy ho ch

*Công tác th c thi

B ng 3.3: K ho ch s d ng t thành ph Hà N i n m 2019

Stt	Qu n/Huy n	t nông nghi p (v: ha)	t phi nông nghi p (v: ha)	t ch a s d ng (v: ha)
1	ng a	-	994	-
2	Hai Bà Tr ng	10	1000	0,34
3	Thanh Xuân	11	890	8
4	Hoàn Ki m	16	512	-
5	C u Gi y	12	1200	62
6	Tây H	444	1800	210
7	B c T Liêm	1200	3100	299
8	Nam T Liêm	487	2700	-
9	Hà ông	1100	3300	521
10	Thanh Trì	3300	3100	17
11	Long Biên	1700	4200	12
12	Hoàng Mai	914	3100	84
13	ông Anh	10000	8400	158
14	Phú Xuyên	11200	5900	64
15	Ch ng M	16300	6900	465
16	Mê Linh	8500	5000	693
17	Sóc S n	17.800	12600	25
18	ng Hòa	13500	5200	40
19	Th ng Tín	7800	5200	5
20	Phúc Th	6800	4400	671
21	Th ch Th t	10100	8500	67
22	Hoài c	4300	4200	28
23	an Ph ng	3400	3300	1000
24	S n Tây	5500	6200	56
25	Ba Vì	28500	13700	26
26	Thanh Oai	8500	3800	85
27	Qu c Oai	9800	5200	86

(Ngu n: Danh sách di n tích t nông nghi p, phi nông nghi p và ch a s d ng c a 27 qu n, huy n trên a bàn Hà N i theo k ho ch s d ng t n m 2019- UBND thành ph Hà N i)

Nh v y, vi c s d ng t nông nghi p c a Hà N i trong nh ng n m qua ch a b n

v ng do n ng su t th p, hi u qu kinh t c a l ha t s n xu t nông nghi p còn th p, ch a t ng x ng v i ti m n ng. Do v y, s n xu t nông nghi p c a Hà N i c n có m t chi n l c c th s d ng t theo h ng b n v ng.

**Phân tích quá trình quy hoạch ngành nghề ở Hà Nội*

3.2.1.2. *Th c tr ng xây d ng quan h s n xu t phù h p v i l c l ng s n xu t, hài hòa gi a NN công ngh cao và NN truy n th ng*

**V ng u n nhân l c cho phát tri n nông nghi p trên a bàn thành ph Hà N i*

- Công tác ban hành

- Công tác th c thi:

B ng 3.5: T l lao ng t 15 tu i tr lên ang làm vi c so v i t ng dân s phân theo a ph ng

n v tính: %

	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
C n c	54,6	55,5	56,4	57,3	57,9	58,2	58,1	57,6	57,5	57,0	56,9	56,7
BSH	54,7	55,2	56,6	56,7	57,0	57,3	56,7	56,1	55,6	54,7	54,4	54,1
Hà N i	51,4	50,9	53,1	52,1	53,1	52,9	52,0	51,9	51,2	50,7	50,4	50,0

(Ngu n: T ng c c th ng kê)

Theo i u tra cho th y chính sách h tr ào t o và phát tri n ngu n nhân l c t i PTNN THBV Th ô Hà N i ã góp ph n thúc y t ng tr ng ngành nông nghi p, thúc y chuy n d ch c c u nông nghi p, thay i ph ng th c s n xu t nông nghi p, t o vi c làm và thu nh p, ng th i thúc y b o v , b o t n tài nguyên và t ng v th c a nông s n a ph ng.

Theo kh o sát cho th y vi c h tr i v i phát tri n ngu n nhân l c c ng c Th ô Hà N i quan tâm. Theo ánh giá c chuyên gia và i t ng c th h ng u cho th y các chính sách phù h p. C th , chính quy n a ph ng có chính sách h tr ào t o và phát tri n ngu n nhân l c s nh h ng n thay i ph ng th c s n xu t nông nghi p, góp ph n chuy n d ch c c u nông nghi p, ng th i t o vi c làm và thu nh p. ây là các ch tiêu c ánh giá m c cao nh t v i giá tr trung bình là l n h n 2,85.

**Ngu n l c v v n cho PTNN THBV trên a bàn thành ph Hà N i*

- Công tác ban hành:

* Công tác th c thi

**Ngu n l c v khoa h c - công ngh cho PTNN THBV trên a bàn thành ph Hà N i*

- Công tác ban hành

- Công tác th c thi

**V quan h s h u trong PTNN THBV*

- Công tác ban hành

**V quan h qu n lý trong PTNN THBV*

- Công tác ban hành:

- Công tác thi c thi

3.2.2. Th c tr ng m b o v m t xã h i trong PTNN THBV trên à bàn thành ph Hà N i

m b o v m t xã h i trong phát tri n nông nghi p theo h ãng b n v ãng trên à bàn thành ph Hà N i giai o n 2011- 2020 c th c hi n trên các ph ãng đi n nh : m b o vi c làm, thu nh p và các i u ki n phát tri n ngày m t t t h n cho ãng i lao ãng trong nông nghi p; phát tri n nông nghi p g n v i xây d ãng nông thôn m i.

3.2.2.1. V m b o vi c làm, thu nh p và các i u ki n khác cho ãng i trong s n xu t nông nghi p Th ô Hà N i.

Có th th y, th i gian qua, vi c làm, thu nh p c a ãng i lao ãng trong l nh v c nông nghi p Th ô ngày m t c i thi n, n u trong nh ãng n m 2008, th i i m m i hình thành “Hà N i m r ãng”, cùng v i t c ô th hóa, nhi u vùng nông thôn, khu v c nông nghi p có nh h ãng b i t i n trình ô th hóa, s lao ãng trong nông nghi p không có vi c làm do chuy n i m c ích s d ãng t, ch a k p chuy n i ãng , ch a b t nh p v i t i n trình ô th hóa...theo ó thu nh p, i s ãng kinh t xã h i nông thôn nói chung, t ãng tr ãng phát tri n nông nghi p nói riêng an xen nhi u v n ãng p h c t p.

3.2.2.2. PTNN THBV v xã h i còn g n v i xây d ãng nông thôn m i và c i t o môi tr ãng s ãng, v n hóa tinh th n cho ãng i lao ãng nông nghi p.

Thành ph Hà N i ã quan tâm u t , hoàn thi n h th ãng các thi t ch v n hóa và b o t n, tôn t o, nghiê n c u, gi i thi u, qu ãng bá, phát huy giá tr đi s n v n hóa c a Th ô. Các ho t ãng v n h c, ãng thu t, giao l u v n hóa trong n c, khu v c và qu c t t i p t c m r ãng.

Nhi u phong trào, ho t ãng xây d ãng mô hình v n hóa c s c tri n khai t k t qu t t; nh ãng giá tr , nét p v n hoá c a ãng i Hà N i thanh l ch, v n minh, truy n th ãng t t p trong gia ãnh, h t c và c ãng ãng dân c c k th a, phát huy. N p s ãng v n hoá, v n minh ô th , nh t là trong vi c c i, vi c tang, l h i có chuy n bi n t t. Trình v n hóa c ãng s c t ãng lên r t nhi u.

B ãng 3.9: T l dân s t 15 tu i tr lên bi t ch ãng phân theo a ph ãng

n v t i n (%)

	2006	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
C n c	93,6	94,0	93,7	94,2	94,7	94,8	94,7	94,9	95,0	95,1	94,8	95,8
B S H	96,8	97,5	97,3	97,6	98,0	98,1	98,1	98,2	98,3	98,3	98,2	98,9
Hà N i	98,3	97,9	97,8	98,0	98,3	98,2	98,6	98,5	98,7	98,7	98,8	99,2

(Ngu n: T ãng c c th ãng kê n m)

Giáo d c c quan tâm, c bi t th ô Hà N i t p trung nhi u tr ãng i h c, cao ãng, v i s l ãng giáo viên, sinh viên ãng, là n i ào t o ãng n lao ãng ch t l ãng cao không ch cho Hà N i mà còn cho khu v c và c n c.

B ng 3.10. S giáo viên, s sinh viên i h c và cao ng trên à bàn Hà N i

n v tính: Ng i

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Giáo viên	19.982	22.652	24.599	26.435	25.696	26.890	23.948	26.181	25.369
Sinh viên	668.227	690.276	674.112	638.234	753.068	660.963	610.872	588.931	505.627
GV công l p	18.499	20.664	21.655	23.672	22.696	23.646	20.566	-	-
SV công l p	605.132	620.389	588.577	583.339	678.355	597.441	556.500	-	-

Ngu n: T ng c c th ng kê

Công tác ch m sóc s c kh e nhân dân, ch m lo các gia ình chính sách, nh ng ng i có công luôn c c bi t quan tâm. An ninh chính tr , tr t t an toàn xã h i trên à bàn Th ô c gi v ng trong m i tình hu ng.

B ng 3.11: S c s khám, ch a b nh tr c thu c s Yt trên à bàn Hà N i

n v tính: C s

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
T ng s	650	673	675	686	686	686	677
B nh vi n	40	41	41	40	40	40	39
Phòng khám khu v c	29	49	51	55	55	1	1
B nh vi n i u d ng và ph c h i ch c n ng	1	1	55	55
Tr m y t xã, ph ng, c quan, xí nghi p	575	577	577	584	584	584	577

Ngu n: T ng c c th ng kê (d u.. s li u không có)

3.2.2.3. Th c tr ng m b o v môi tr ng sinh thái trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên à bàn thành ph Hà N i giai o n 2011 - 2020

m b o v môi tr ng sinh thái trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng bao g m b o v môi tr ng t, môi tr ng n c và môi tr ng không khí.

* *Th c tr ng b o v môi tr ng t trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên à bàn Hà N i.*

* *Th c tr ng b o v môi tr ng n c, không khí trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên à bàn Hà N i.*

3.3. ánh giá chung v thành t u, h n ch và nh ng v n t ra trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Th ô Hà N i giai o n 2011- 2020

3.3.1. Nh ng thành t u t c trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng th ô Hà N i giai o n 2011 - 2020

- Công tác quy ho ch t ai trong PTNN THBV Th ô Hà c tri n khai xuyên su t t trung ng n c s , c th ch b ng các v n b n pháp lý quy nh c th PTNN THBV.

- Công tác tuyên truy n c các c p chính quy n tri n khai y d i nhi u hình th c khác nhau v i m c ích h ng t i PTNN THB. Các hình th c tuyên truy n c ng h t s c a d ng t n d ng c l i th c a các kênh thông tin truy n thông và các website c a các c quan th c thi.

3.3.2. Nh ng h n ch và nguyên nhân trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng th ô Hà N i giai o n 2011 – 2020

3.3.2.1. *Những thành tựu trong PTNN THBV ở Hà Nội giai đoạn 2011-2020*

- Quy hoạch chôn cất, áp dụng và phù hợp với trình độ cán bộ, thực thi các cấp chính quyền địa phương.

- Tổng động góp của kinh tế nông nghiệp vào ngân sách chung của thành phố Hà Nội còn chôn cất, tăng trưởng, thu nhập của Thủ đô. Đóng góp cho ngân sách địa phương quy mô sản xuất, nghiên cứu.

- Chuyển đổi cơ cấu còn chôn cất, chôn cất và nâng cao vị thế của phát triển PTNN THBV. Chuyển đổi các sản phẩm nông nghiệp chôn cất, áp dụng tiêu dùng của nhân dân Thủ đô.

- Các mô hình liên kết sản xuất chôn cất, phát huy hiệu quả quy mô nhỏ, thị trường, khoa học công nghệ.

- Trình độ lao động trong nông nghiệp còn thấp hơn so với yêu cầu PTNN THBV.

3.3.2.2. *Nguyên nhân của những thành tựu*

- Nguyên nhân từ khâu ban hành chính sách:

- Nguyên nhân của quan tâm thực thi

- Một số nguyên nhân khác

3.3.3. *Vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trên địa bàn Hà Nội thời gian tới*

Có thể thấy, những thành tựu, chiến lược, chính sách cho phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Hà Nội là đáng tự hào. Song nông nghiệp Hà Nội vẫn còn là một ngành vẫn đang, phát triển bền vững. Có nhiều nguyên nhân và những vấn đề đang đặt ra có thể kể như:

Thứ nhất, Chiến lược, chính sách rõ ràng, song thi hành chưa, chính sách vẫn chưa đồng bộ, hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Thứ hai, chiến lược, chính sách đã có, nhưng thi hành một phần, chưa mang tính hiệu quả thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Thứ ba, phát triển nông nghiệp bền vững cần sự hỗ trợ từ nhiều ngành, lĩnh vực và cần tăng cường quản lý là những thách thức kinh tế - xã hội áp dụng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Thứ tư, yêu cầu đặt ra về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là cần đẩy mạnh ứng dụng khoa học, kỹ thuật mới, công nghệ cao, vấn đề đặt ra là sự quy tụ tâm huyết của người dân, là sự tham gia của xã hội, nhân lực thích.

Thứ năm, thách thức từ các vấn đề xã hội trong phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững

Thứ sáu, sự tác động của chi phí sinh hoạt kinh tế quốc tế những năm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Thứ bảy, yêu cầu khắc phục những rủi ro từ các yếu tố thiên nhiên những năm phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Ti u k t ch ng 3

Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là một trong những chủ trương lớn của thành phố Hà Nội được thể hiện trong nhiều Chính sách, Chương trình, Kế hoạch, phát triển nông nghiệp. Công bố và vận dụng, nhìn vào bối cảnh nông nghiệp của Hà Nội 10 năm qua cho thấy sự chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường. Giá trị sản lượng nông nghiệp ngày càng tăng trong điều kiện nông nghiệp đang dần chuyển đổi từ công nghiệp hóa, đô thị hóa, nhiều sản phẩm nông nghiệp đã có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp còn chậm và chưa rõ nét, các chỉ số về yêu cầu phát triển mới của nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, giá trị sản phẩm sạch, có giá trị dinh dưỡng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, và sinh môi trường. Trong những cơ sở sản xuất nông nghiệp có những tiềm năng, những mặt cần tiếp tục; chất lượng nông sản chưa cao; quy mô vốn manh mún và hạn chế về đầu tư và vận hành các sản phẩm nông nghiệp là thực tế.... Mặc dù, các chủ thể liên quan (Chính quyền, người dân, doanh nghiệp) đã có những nỗ lực nhất định trong việc các yếu tố kết tụ vào quy trình sản xuất tuy nhiên vẫn chưa sẵn sàng để thay đổi bền vững một cách toàn diện và các yếu tố, chưa đáp ứng yêu cầu của các sản phẩm nông nghiệp đô thị sạch, an toàn, xanh và bền vững.

Do vậy, trên nền tảng những kết quả nghiên cứu về thực trạng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Hà Nội, xác lập những cơ sở thực tiễn những hạn chế, tìm kiếm giải pháp nhằm thúc đẩy nông nghiệp theo hướng đô thị sạch phát triển theo hướng bền vững trong thời gian tới, xác định vai trò và vị trí của nông nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội thị trường Hà Nội.

Ch ng 4

PH NG H NG VÀ GI I PHÁP PHÁT TRI N NÔNG NGHIỆP THEO H NG B N V NG TRÊN A BÀN THÀNH PH HÀ N I T M NHÌN N N M 2030

4.1. B i c nh m i và nh h ng phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng th ô Hà N i n n m 2030

4.1.1. B i c nh m i t ra i v i s phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Th ô Hà N i n n m 2030

H i nh p kinh t t o ra nhi u c h i m i và thách th c m i, trong s n xu t nông nghi p c n c và Hà N i.

Cu c cách m ng công nghi p 4.0 ã t ra b i c nh m i cho t t c các ngành, trong ó có nông nghi p.

An ninh l ng th c tr thành v n nh n c s quan tâm l n khi dân s ngày càng gia t ng, d ch b nh toàn c u, thiên tai, ô nhi m môi tr ng ang hoành hành...

Di n tích t s n xu t nông nghi p b thu h p trong ti n trình ô th hóa t ra v n c p bách i v i ngành nông nghi p.

4.1.2. Nh ng thu n l i và thách th c trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i

4.1.2.1. Thu n l i trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i

- Công nghi p hóa, hi n i hóa nông nghi p, nông thôn và phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng là m t ch tr ng l n c a ng, Nhà n c và thành ph Hà N i.

Nh v y, có th th y các chính sách phát tri n nông nghi p c a nhà n c, c a thành ph Hà N i là thu n l i c n b n, quan tr ng phát tri n b n v ng nông nghi p trong n c c ng nh c a Hà N i.

- Thay i xu h ng tiêu dùng s n ph m nông nghi p c a ng i dân theo h ng gia t ng l a ch n, s n ph m có th ng hi u c ng là m t thu n l i cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng.

4.1.2.2. Nh ng thách th c trong phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i

Bên c nh nh ng thu n l i, phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng c a Hà N i c ng g p không ít thách th c, nh ng thách th c ó có th k n bao g m:

Th nh t, t c ô th hóa t ng nhanh tác ng n ngu n lao ng và di n tích t trong phát tri n nông nghi p b n v ng Hà N i.

Th hai, v n ô nhi m môi tr ng, bi n i khí h u, tài nguyên thiên nhiên b khái thác c n ki t ã nh h ng n phát tri n nông nghi p b n v ng Hà N i.

Th ba, v n c nh tranh v i hàng hóa nông nghi p v i a ph ng khác và trên th gi i ang là thách th c v i Hà N i.

Th t, v n v n u t cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i còn nhi u khó kh n.

Th n m, thu nh p trong nông nghi p v n còn th p, d n n tình tr ng d ch ngu n lao ng sang ngành khác.

4.1.3. Ph ng h ng phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i n n m 2030

4.1.3.1. Quan i m phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i

T c s lý lu n và th c ti n ã phân tích trên cho th y phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i trong nh ng n m t i c n quán tri t nh ng quan i m ch y u sau ây:

Th nh t, c n xác nh úng i m ngh n c n tr s phát tri n nông nghi p t p trung t phá nh m thúc y nông nghi p c a thành ph Hà N i theo h ng hi n i, nâng cao giá tr gia t ng và phát tri n b n v ng.

Th hai, phát tri n nông nghi p b n v ng, hi n i trên c s ng d ng ti n b khoa h c, công ngh và ph ng th c s n xu t tiên ti n.

Th ba, y m nh th c hi n chuy n i ph ng th c s n xu t nông nghi p t t ng s n l ng sang t ng ch t l ng và gi m chi phí t ng s c c nh tranh c a nông s n hàng hoá g n v i b o v môi tr ng sinh thái.

Th t , Ti p t c chính sách khuy n khích và thu hút các d án FDI vào s n xu t và ch bi n nông s n.

Th n m, c n c c u t ng th nông nghi p Hà N i h ng t i n n nông nghi p b n v ng hi n i.

4.1.3.2. M c tiêu phát tri n tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i

Quy t nh s 17/2012/Q -UBND, phê duy t Quy ho ch phát tri n nông nghi p thành ph Hà N i n n m 2020, nh h ng 2030, xác nh m c tiêu phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i nh sau:

- *M c tiêu t ng quát*

- *M c tiêu c th :*

4.1.3.3. nh h ng phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i n n m 2030

- *nh h ng chung*

- *nh h ng c th phát tri n nông nghi p theo ti u vùng th nh ng*

- *nh h ng b trí các vùng s n xu t nông s n hàng hóa.*

4.2. H th ng gi i pháp nh m phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i n n m 2030

4.2.1. Nhóm các gi i pháp v quy ho ch cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i

M c dù Hà N i ã có quy ho ch cho phát tri n nông nghi p, tuy nhiên quy ho ch th c s h tr cho phát tri n nông nghi p c a thành ph theo h ng b n v ng trong th i gian t i c n quan tâm t i các ph ng di n sau:

4.2.2. Nhóm gi i pháp v chính sách i v i phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn thành ph Hà N i

Nh ã ch ra, ch tr ng, chính sách cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên c s ng d ng công ngh cao c a Hà N i là t ng i y , song khó tri n khai trong th c ti n và tri n khai ch m. Nên cho n hi n nay, Hà N i ch a có các khu, vùng s n xu t nông nghi p ng d ng công ngh cao, m i ch có 2 d án c UBND thành ph Hà N i phê duy t ch tr ng u t th c hi n.

4.2.3. Nhóm gi i pháp v khoa h c công ngh cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng trên a bàn Hà N i

Không ch Hà N i, mà th c ti n phát tri n nông nghi p công ngh cao n c ta còn r t nhi u khó kh n và h n ch . Nh ng khó kh n, h n ch ó bao g m: khó kh n v v n u t ; khó gi i phóng m t b ng; doanh nghi p l i không m y m n mà u t vào nông nghi p công ngh cao; áp d ng ti n b k thu t cao ch a ng u, khâu tiêu th ch a n

nh, nhất là chính sách ch a m nh ho c khó áp d ng...B i l , u t cho l ha t ng d ng công ngh cao, doanh nghi p c n v n kho ng 2 t ng. Bên c nh ó, phát tri n vùng nguyên li u và xây d ng nhà máy s n xu t các s n ph m ch bi n, c n thêm 6 - 10 ha, nên nhi u doanh nghi p r t khó có qu t u t .

4.2.4. y m nh phát tri n các hình th c liên k t, h p tác trong s n xu t v i tiêu th s n ph m h ng t i phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Phát huy vai trò c a Ngh quy t s 10/ 2018/ NQ – H ND v chính sách khuy n khích phát tri n s n xu t, phát tri n h p tác, liên k t trong s n xu t và tiêu th s n xu t, phát tri n h p tác, liên k t trong s n xu t và tiêu th s n ph m nông nghi p, Hà N i coi vi c liên k t các nhà trong s n xu t nông nghi p có vai trò quan tr ng trong PTNN THBV. T th c tr ng liên k t Hà N i m i ch là hình th c, ch a th c s hi u qu . Vì v y, Hà N i c n phát tri n nhi u hình th c s n xu t quy mô l n và t p trung nh : trang tr i, HTX, liên hi p HTX.

m b o l i ích c a các bên liên k t thì ch tài ph i rõ ràng. Nhà n c th c hi n vai trò xây d ng chính sách thu hút doanh nghi p u t vào nông nghi p. Bên c nh ó, c n t ng k t n i v i các nhà khoa h c có th ng d ng nh ng thành t u vào trong s n xu t. Tuy nhiên, kinh t h nông dân c ng ph i c quan tâm. B i h là l c l ng chính trong s n xu t nông nghi p. Vì v y, c n làm trách nhi m, l i ích c a các bên tham gia liên k t.

4.2.5. Nâng cao ch t l ng ngu n nhân l c phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng

Nhân l c có vai trò quan tr ng trong PTNN THBV. c bi t khi mà khoa h c công ngh phát tri n, ngu n nhân l c có ch t l ng cao ng d ng vào s n xu t là quan tr ng. Vì v y Hà N i c n ph i chuy n d ch c c u lao ng nông thôn, chuy n i ngh nghi p. Bên c nh ó, ào t o b i d ng nâng cao trình c a các ch th trong PTNN. Thành ph nên chú tr ng công tác tuyên truy n nâng cao ý th c và trách nhi m b o v môi tr ng trong khu v c nông nghi p. a các l nh v c s n xu t nông nghi p xanh, nông nghi p s ch, an toàn phát tri n góp ph n b o v môi tr ng.

4.2.6. Nhóm các gi i pháp khác

Ngoài các nhóm gi i pháp nêu trên, phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng thành ph còn c n th c hi n m t s gi i pháp sau:

- y m nh công tác xúc ti n th ng m i, d báo th tr ng.

Ti u k t ch ng 4

Trên c s phân tích b i c nh m i t ra i v i vi c phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng thành ph Hà N i nh h i nh p kinh t qu c t , cu c cách m ng 4.0 di n ra, s gia t ng dân s và ô nhi m môi tr ng. Lu n án ã ch rõ th i c , thách th c và ph ng h ng c ng nh quan i m c a vi c phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng Hà N i.

C n c vào quan i m, m c tiêu, ph ng h ng phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng, ng th i nh m h ng t i gi i quy t các khó kh n, h n ch trong phát tri n nông nghi p b n v ng trên a bàn Hà N i, lu n án ã, a ra các nhóm gi i pháp nh sau: nhóm

gi i pháp v quy ho ch phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng; nhóm gi i pháp chính sách v phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng; nhóm gi i pháp v khoa h c công ngh cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng; nhóm các gi i pháp khác.

K T L U N

Nông nghi p có vai trò quan tr ng i v i gi i quy t v n an ninh l ng th c, gi i quy t công n vi c làm. Vi c phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng bao g m nh ng n i dung sau: phát tri n nông nghi p b n v ng ph i m b o t ng tr ng kinh t và hi u qu ; phát tri n nông nghi p ph i m b o gi i quy t t t các v n xã h i; phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng ph i gi i quy t t t các v n v môi tr ng sinh thái.

Hà N i là a ph ng có i u ki n thu n l i cho phát tri n nông nghi p. Vì th , thành ph Hà N i ã t c nh ng thành t u quan tr ng nh phát tri n nông nghi p ã óng góp m t ph n cho t ng tr ng a ph ng, gi i quy t công n vi c làm, giúp chuy n d ch c c u kinh t , v a phát tri n nông nghi p v a c i t o c môi tr ng sinh thái. Tuy nhiên, bên c nh nh ng k t qu t c, phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng c a Hà N i c ng ang hàm ch a không ít nh ng h n ch nh : quy ho ch v nông nghi p ch a phù h p, chính sách phát tri n v nông nghi p theo h ng b n v ng còn ch ng chéo, hi u l c th c thi th p; vi c ng d ng khoa h c công ngh ch a th c s hi u qu

Trên c s phân tích b i c nh m i trong phát tri n kinh t nói chung, phát tri n nông nghi p hà N i nói riêng theo h ng b n v ng, lu n án xu t các quan i m, m c tiêu, ph ng h ng phát tri n nông nghi p Hà N i giai o n t i n m 2030, ng th i nh m h ng t i gi i quy t nh ng khó kh n, h n ch trong phát tri n nông nghi p b n v ng mà Hà N i ã và ang ph i i di n, lu n án xu t các nhóm gi i pháp sau: i/ nhóm gi i pháp v quy ho ch phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng; ii/ nhóm gi i pháp chính sách v phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng; iii/nhóm gi i pháp v khoa h c công ngh cho phát tri n nông nghi p theo h ng b n v ng; iv/ nhóm các gi i pháp khác.

N u th c hi n ng b các m c tiêu, ph ng h ng và gi i pháp nêu trên và v i s quy t tâm cao c a các c p chính quy n, c a ng i dân Th ô, chúng ta tin ch c r ng trong th i gian không xa Hà N i s có m t n n nông nghi p b n v ng trên n n t ng ng d ng công ngh cao m t cách hi u qu c v ph ng di n kinh t , xã h i và môi tr ng.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ**

1. Nguyễn Thị Cẩm Thúy, 2015. Bàn về cú “chuyển cút” trong tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước năm 2015, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* số 2/2015 [tr9-tr11].
2. Nguyễn Thị Cẩm Thúy, 2015. Mối liên hệ giữa kinh tế Việt Nam thị trường và pháp luật, *Tạp chí châu Á - Thái Bình Dương* số 4/2015 [tr 53 - Tr55].
3. Nguyễn Thị Cẩm Thúy, 2018. Đánh giá thực trạng nông nghiệp đô thị Hà Nội sau 10 năm mở cửa thị trường, *Tạp chí châu Á - Thái Bình Dương* số 9/2018 [tr 52 - tr54].
4. Nguyễn Thị Cẩm Thúy, 2019. Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển nông nghiệp đô thị Hà Nội theo hướng bền vững, *Tạp chí châu Á - Thái Bình Dương* số 5/2019 [tr 13 – tr15].